FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 29/12/2023	36,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.9%	-	3.5%

DT thuần

2023: **4,542** tỷ VNĐ

YoY ▼ 979 ▼ 17.7%

LN gộp

2023: **564** tỷ VNĐ

YoY ▼ 265 ▼ 31.9%

LN thuần

2023: **305** tỷ VNĐ

YoY ▼ 141 ▼ 31.5%

LN sau thuế

2023: **245** tỷ VNĐ

YoY ▼ 93.0 ▼ 27.4%

ROE

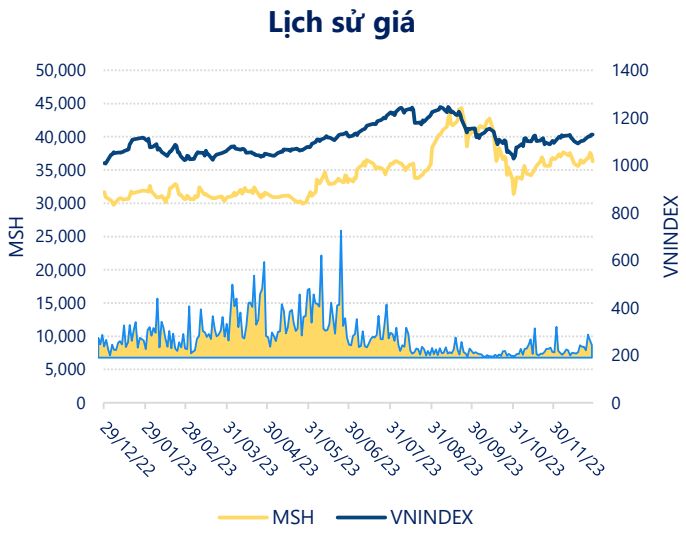
2023: **13.9%**

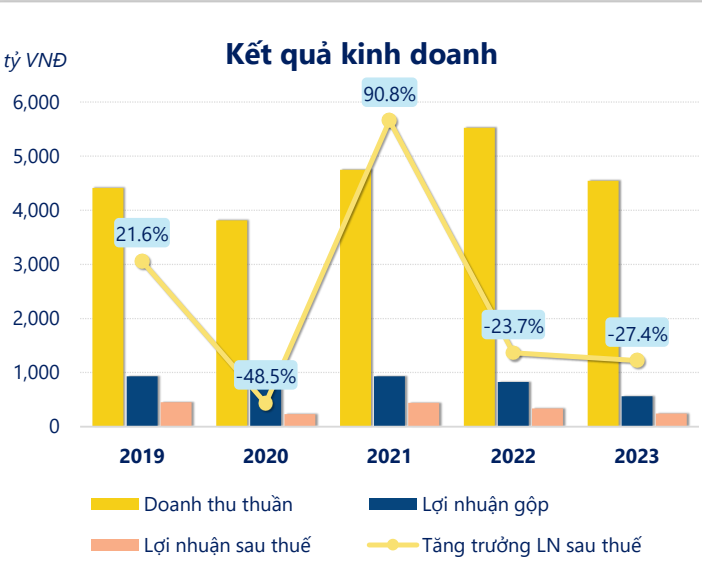
+/- YoY ▼ 9.5%

ROA

2023: **7.2%**

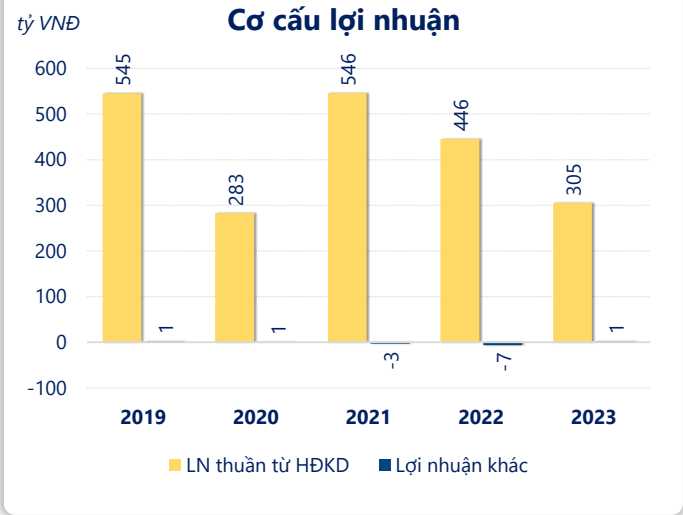
+/- YoY ▼ 4.3%

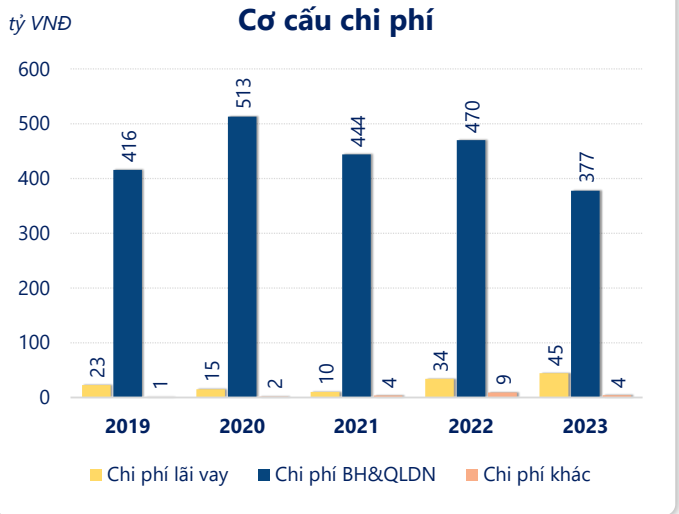




Năm **2023**, **MSH** ghi nhận doanh thu thuần **4,542** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **245.2** tỷ đồng, lần lượt **giảm 17.7%** và **giảm 27.4%** so với năm trước.

Công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận so với năm trước. Với mức **ROE** đạt **13.9%** cho thấy tình hình kinh doanh vẫn khá tốt, tuy nhiên cần cải thiện để đạt kết quả tốt hơn.

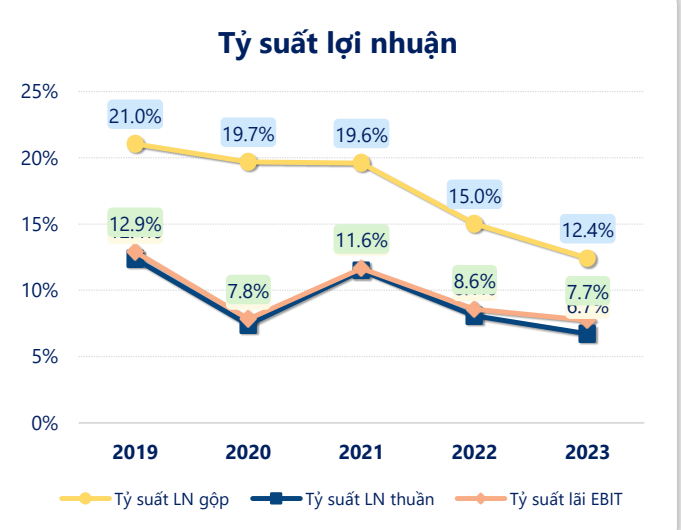


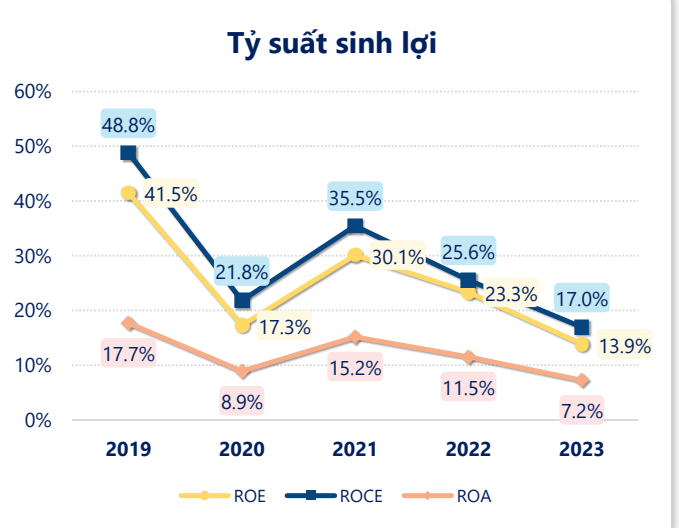


Năm **2023**, **MSH** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **305.1** tỷ đồng, **giảm đi 140.4** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (424.9 tỷ đồng) là 119.8 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

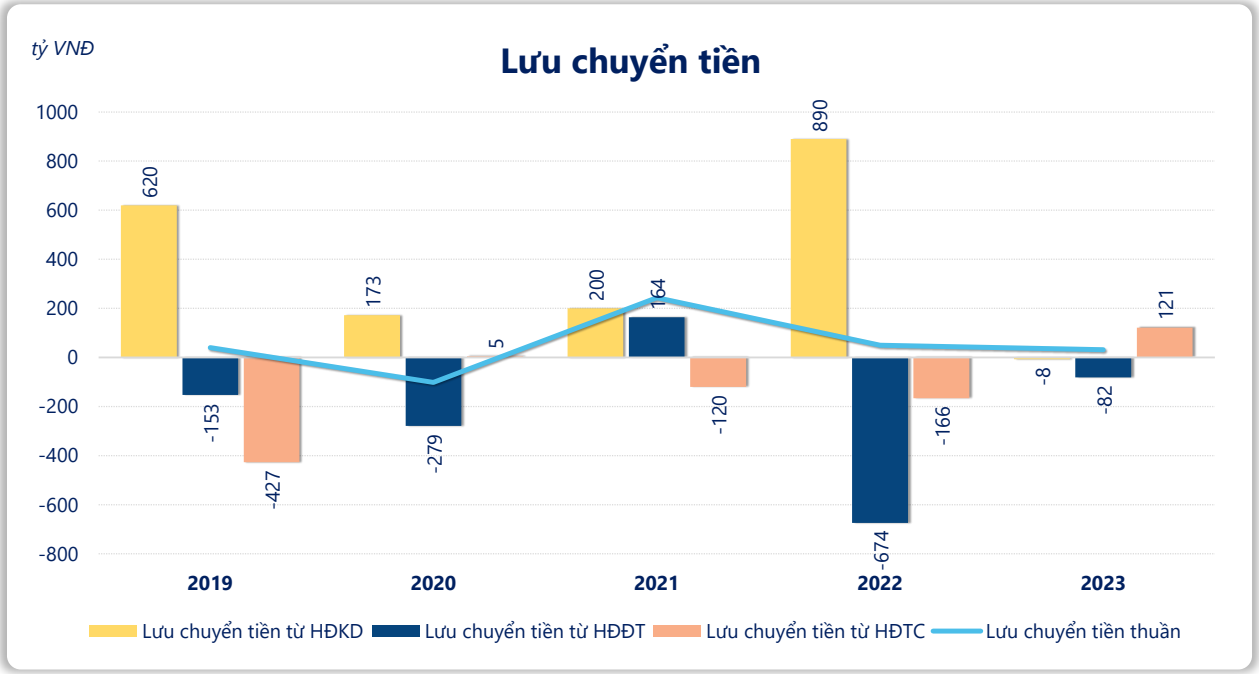
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **44.58** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **377.4** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **4.08** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của MSH năm 2023 **giảm** so với năm trước còn **13.9%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**4,411**	**3,813**	**4,748**	**5,521**	**4,542**
Giá vốn hàng bán	3,483	3,062	3,817	4,692	3,978
Lợi nhuận gộp	**928**	**751**	**931**	**829**	**564**
Doanh thu HĐTC	61.4	62.7	77.8	152	191
Chi phí TC	28.7	18.2	18.9	65.1	72.9
Chi phí lãi vay	**22.6**	**15.2**	**10.0**	**33.9**	**44.6**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	180	137	145	173	148
Chi phí QLDN	235	376	299	297	230
LN thuần từ HĐKD	**545**	**283**	**546**	**446**	**305**
Lợi nhuận khác	1.04	0.58	-3.22	-6.51	1.47
LN trước thuế	**547**	**283**	**543**	**439**	**307**
Lợi nhuận sau thuế	**450**	**232**	**442**	**338**	**245**
LNST của CĐ cty mẹ	**450**	**232**	**442**	**375**	**245**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của MSH bằng **31.77** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2022 (50.27 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-7.61** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-81.62** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **121.0** tỷ đồng.